

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 4 – 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Phạm Khoa Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX - ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992 (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 07/12/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là

do anh B không chí thú làm ăn, nhiều lần sử dụng ma túy đá và cũng nhiều lần đánh chị H. Chị H và anh B đã tự sống ly thân từ năm 2020 đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh B.

Quá trình chung sống, chị H và anh B có một con chung tên Nguyễn Gia B1, sinh ngày 02/7/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu B1 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của anh B.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn B, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan

Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh B là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu do Tòa án thu thập là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi đương sự cư trú thì tuy không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng trên thực tế nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau; Mặt khác, bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia các buổi làm việc cũng như hòa giải, từ đó có thể thấy bị đơn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sống ly thân cháu B1 do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được cho đi học và phát triển tốt. Do đó, để đảm bảo B1 cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H, giao cháu Nguyễn Gia B1, sinh ngày 02/7/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi. Anh B không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Gia B1, sinh ngày 02/7/2017 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi.

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008xxx ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (số 71, ngày 07/12/2012)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 20 phút, ngày 05 tháng 4 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết

Ông Phạm Khoa Nam

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Bình - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Phước Lộc, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn Bình, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết nhất trí 3/3.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Bình.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Gia B1 - sinh ngày 02/7/2017 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn Bình không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0008395 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Phần án phí chị H đã thi hành xong,

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 05/4/2023.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết nhất trí 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Tuyết

Phạm Khoa Nam

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN
PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM**

Vào hồi **08 giờ 10 phút**, ngày **05 tháng 4 năm 2023**

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh về nuôi con”.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tham gia tố tụng:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Bình - sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Phước Lộc, xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

II. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết

Ông Phạm Khoa Nam

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Vui - cán bộ Toà án nhân dân thị xã Phước Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Bạo - Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên toà:

- Chủ tọa phiên toà tuyên bố khai mạc phiên toà và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký Toà án báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên toà theo giấy triệu tập, giấy báo của Toà án và lý do vắng mặt.

Vắng mặt: Chị H (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt); anh Bình vắng mặt không có lý do

ĐXXX đề nghị Kiểm sát viên phát biểu về sự vắng mặt của bị đơn

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự; giải thích quyền, nghĩa vụ của các đương sự và của những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên (nếu có), Thư ký Tòa án hay không.

Không ai đề nghị thay đổi.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia tố tụng và Kiểm sát viên (nếu có) xem có ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa hay không.

Không ai cung cấp thêm tài liệu và chứng cứ mới tại phiên tòa.

HĐXX đề nghị Kiểm sát viên phát biểu về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu: Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa xét thấy đã đầy đủ, thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, kiểm sát viên không có ý kiến gì về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc.

IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Do tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn bị đơn nên không có ý kiến trình bày. Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân trong quá trình giải quyết vụ án.

Chủ tọa phiên tòa đề nghị kiểm sát viên có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ đã công bố.

Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì. Đề nghị HĐXX tiếp tục làm việc.

Hội thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát không ai hỏi để làm rõ nội dung vụ án. Do vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nên không tiến hành tranh luận tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa đề nghị Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét vắng mặt, vắng mặt bị đơn không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

VI. Nghị án và tuyên án.

Vào lúc 08 giờ 20 HĐXX vào phòng nghị án.

Vào lúc 08 giờ 30 phút, cùng ngày Hội đồng xét xử nghị án xong.

Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử tuyên án y như bản án gốc đã được thông qua tại phòng nghị án.

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng: Không.

Phiên tòa kết thúc vào hồi **08 giờ 40 phút**, ngày **05 tháng 4 năm 2023**.

**THƯ KÝ TÒA ÁN
GHI BIÊN BẢN PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vui

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt